

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
(MECO JSC)

..... @

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4 NĂM 2020

Báo cáo gồm có:

1. Bảng cân đối kế toán – Mẫu số B01-DN
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Mẫu số B02-DN
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ – Mẫu số B03-DN
4. Thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu số B09-DN

HÀ NỘI – 2021



CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà nội

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		552,172,807,553	576,656,415,059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,005,767,736	1,031,144,482
1. Tiền	111	V.01	1,005,767,736	1,031,144,482
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	11,643,864,163	10,239,252,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		710,823,067	342,250,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			(102,998,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,933,041,096	10,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		395,551,018,242	442,665,191,018
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	234,675,156,524	431,064,184,717
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		40,403,335,960	53,390,739,573
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		700,663,090	12,000,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	249,231,606,328	255,013,069,851
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(129,459,743,660)	(308,802,803,123)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	137,976,335,730	121,444,602,246
1. Hàng tồn kho	141		202,294,469,051	208,138,276,737
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(64,318,133,321)	(86,693,674,491)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,995,821,682	1,276,225,313
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	46,535,832	36,456,922
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,949,285,850	1,239,768,391
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		353,105,256,806	381,335,984,374
I. Tài sản cố định	220		122,066,136,937	125,386,642,554
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	122,066,136,937	125,386,642,554
- Nguyên giá	222		227,693,922,502	225,860,859,502
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(105,627,785,565)	(100,474,216,948)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	721,443,057	721,443,057
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		721,443,057	721,443,057
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	230,317,676,812	255,227,898,763
1. Đầu tư vào công ty con	251		28,150,290,029	256,630,290,029
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		210,287,240,000	4,207,240,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9,891,470,000	9,891,470,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(18,011,323,217)	(15,501,101,266)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		905,278,064,359	957,992,399,433

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		653,102,264,528	711,570,335,119
I. Nợ ngắn hạn	310		421,826,959,457	465,450,405,048
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	199,544,597,613	228,867,605,307
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		54,308,847,294	44,571,541,658
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	16,941,989,528	22,525,540,377
4. Phải trả người lao động	314		1,053,384,651	1,012,137,497
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	40,735,668,862	56,869,080,662
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	93,106,427,400	91,181,579,014
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	7,785,563,576	11,620,640,000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8,350,480,533	8,802,280,533
II. Nợ dài hạn	330		231,275,305,071	246,119,930,071
1. Phải trả dài hạn khác	337		215,000,000,000	216,010,625,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	15,725,305,071	29,459,305,071
3. Trái phiếu chuyển đổi	339		550,000,000	650,000,000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		252,175,799,831	246,422,064,314
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	252,175,799,831	246,422,064,314
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575,100,000,000	575,100,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575,100,000,000	575,100,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32,960,749,348	32,960,749,348
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(73,426,398,513)	(73,426,398,513)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28,817,258,755	28,817,258,755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(311,275,809,759)	(317,029,545,276)
- I.NST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(313,203,146,120)	(317,029,545,276)
- I.NST chưa phân phối kỳ này	421b		1,927,336,361	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		905,278,064,359	957,992,399,433

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

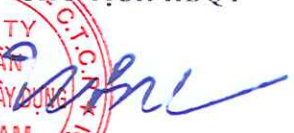
KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý 4 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Kỳ báo cáo		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	23.396.012.741	48.442.984.492	85.152.969.994	188.859.187.333
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10		23.396.012.741	48.442.984.492	85.152.969.994	188.859.187.333
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	18.904.832.305	40.767.623.039	72.420.655.292	163.981.889.237
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		4.491.180.436	7.675.361.453	12.732.314.702	24.877.298.096
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	269.738.071	277.912.746	1.480.830.429	938.129.299
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.298.346.398	1.968.344.457	3.250.341.575	7.554.337.706
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		158.642.736	154.963.288	534.385.302	210.664.120
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	1.958.718.009	1.527.719.536	6.858.392.895	5.952.610.889
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		503.854.100	4.457.210.206	4.104.410.661	12.308.478.800
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1.450.936.261	63.506.619	1.686.204.114	290.745.318
12. Chi phí khác	32	VI.08	27.454.000	40.812.503	36.879.258	1.464.930.559
13. Lợi nhuận khác	40		1.423.482.261	22.694.116	1.649.324.856	(1.174.185.241)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.927.336.361	4.479.904.322	5.753.735.517	11.134.293.559
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.927.336.361	4.479.904.322	5.753.735.517	11.134.293.559
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021



CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN NGỌC BÌNH

329
TY
AN
YD
AM
TP.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LƯỖY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN KỶ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5,753,735,517	11,134,293,559
2. Điều chỉnh cho các khoản			(194,466,543,457)	12,399,602,909
- Khấu hao TSCĐ và BDS đầu tư	02		5,153,568,617	4,519,059,776
- Các khoản dự phòng	03		(199,311,376,682)	6,883,926,882
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		88,708,149	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(931,828,843)	785,952,131
- Chi phí lãi vay	06		534,385,302	210,664,120
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(188,712,807,940)	23,533,896,468
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		227,403,643,074	(39,498,648,764)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		5,843,807,686	27,383,724,753
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(35,246,520,380)	(23,431,848,229)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(10,078,910)	21,159,487
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(368,573,067)	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(485,582,954)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5,238,168,405)	(1,264,872,540)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(451,800,000)	(628,375,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2,733,919,104	(13,884,963,825)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2,016,369,300)	
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			3,799,999,999
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6,405,663,090)	(12,000,000,000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		22,400,000,000	38,545,281,274
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		931,828,843	497,519,959
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14,909,796,453	30,842,801,232
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ đi vay	33		15,980,923,576	21,200,000,000
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(33,650,000,000)	(39,544,917,929)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17,669,076,424)	(18,344,917,929)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(25,360,867)	(1,387,080,522)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,031,144,482	2,418,225,004
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(15,879)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	1,005,767,736	1,031,144,482

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Thị Chinh Chức



Nguyễn Ngọc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2020

1. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**
1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
 - Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
 - Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
 - Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
 - Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân dề, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
 - Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
 - Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
 - Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
 - Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mô địa chất



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

-
- và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép):
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
 - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
 - Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
 - Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
 - Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
 - Môi giới bất động sản;
 - Định giá bất động sản;
 - Sàn giao dịch bất động sản;
 - Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
 - Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
 - Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:**
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
6. **Cấu trúc doanh nghiệp**
- Danh sách các công ty con*
- Công ty CP Cơ khí Văn Lâm
 - Công ty CP Bất động sản MECO
 - Công ty CP Khoáng sản MECO
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết*
- Công ty CP Đầu tư Thủy điện An pha
 - Công ty CP XD Thủy lợi MECO Sài Gòn
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**
- Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại Thanh Hóa
 - Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (TP. Hà nội)
 - Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại tỉnh Tuyên Quang
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh của thông tin trên Báo cáo tài chính:**
- Số liệu đầu năm được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C Chi nhánh Hà Nội.
- II. **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
1. **Kỳ kế toán năm**

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2020 là năm tài chính thứ 15 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh: được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

c) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhận (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập khác gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

ĐƠN
ĐI
N V
T
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Báo cáo theo bộ phận: Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

03
S
HÀ
XÃ
NA
-T-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

		Cuối kỳ		Đầu năm	
1- Tiền					
- Tiền mặt			773,863,709		537,692,941
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn			231,904,027		493,451,541
Cộng			1,005,767,736		1,031,144,482
2- Các khoản đầu tư tài chính:					
		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh:		710,823,067	724,131,850	342,250,000	239,252,000
- Tổng giá trị cổ phiếu		710,823,067	724,131,850	342,250,000	239,252,000
+ Cổ phiếu Ngân hàng SHB				342,250,000	239,252,000
+ Cổ phiếu Ngân hàng Vietinbank		679,836,719	691,241,850		
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần Licogi 16		30,986,348	32,890,000		
- Số lượng chứng khoán kinh doanh nắm giữ cuối kỳ như sau:					
+ Cổ phiếu Ngân hàng SHB					36,808
+ Cổ phiếu Ngân hàng Vietinbank				20,007	7
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần Licogi 16				2,200	
			Dự phòng		Dự phòng
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			Giá trị		Giá trị
- Đầu tư vào công ty con					
+ Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha				(7,693,861,266)	228,480,000,000
+ Công ty CP Cơ khí Văn Lâm			8,048,082,953		8,048,082,953
+ Công ty CP khoáng sản MECO			6,602,207,076		6,602,207,076
+ Công ty CP Bất động sản MECO			13,500,000,000		13,500,000,000
Cộng			28,150,290,029	(7,693,861,266)	256,630,290,029
			Cuối kỳ		Đầu năm
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			Dự phòng		Giá gốc
+ Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha		(13,893,047,114)		206,080,000,000	
+ Công ty CP XD TL MECO Sài Gòn		(518,276,103)		4,207,240,000	4,207,240,000
Cộng		(14,411,323,217)		210,287,240,000	(4,207,240,000)
			Cuối kỳ		Đầu năm
- Đầu tư vào đơn vị khác			Dự phòng		Giá hợp lý
+ Công ty CP ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh	1,050,000,000	(1,050,000,000)		1,050,000,000	(1,050,000,000)
+ Công ty CP đầu tư và phát triển điện Meco	2,250,000,000		2,250,000,000	2,250,000,000	2,250,000,000
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình	2,241,470,000		2,241,470,000	2,241,470,000	2,241,470,000
+ Công ty CP BP Tư vấn và đầu tư XD	1,800,000,000		1,800,000,000	1,800,000,000	1,800,000,000
+ Công ty CP Văn nhân tạo Yên Bái	2,550,000,000	(2,550,000,000)		2,550,000,000	(2,550,000,000)
Cộng	9,891,470,000	(3,600,000,000)	6,291,470,000	9,891,470,000	(3,600,000,000)
			Cuối kỳ		Đầu năm
- Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn			Hoàn nhập dự phòng		Trích lập dự phòng bổ sung
		(18,011,323,217)	(3,688,963,897.00)	(6,199,185,848)	(15,501,101,266)
3- Phải thu của khách hàng					
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn				177,466,040,237	356,169,076,812
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				57,209,116,287	74,895,107,905
Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha					
Phải thu về tiền sản lượng				10,545,165,978	31,742,498,059
Phải thu về tiền điện nước và thuê mặt bằng					19,633,452
Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO					
Phải thu về tiền sản lượng thí công xây lắp, thanh lý tài sản XDCBDD				925,682,068	8,075,250,517
Công ty CP Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam					
Tiền điện nước				65,013,144	836,893,460

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tiền thuê mặt bằng			30.811.983,913	19.411.983,913
<i>Công ty CP Cơ khí Văn Lâm</i>				
Phải thu về tiền cho thuê nhà xưởng và thu khác			14.861.271,184	14.808.848,504
Cộng			234.675.156,524	431.064.184,717
4- Phải thu khác		Cuối kỳ	Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	<i>249.231.606,328</i>	<i>12.268.942,323</i>	<i>255.013.069,851</i>	<i>12.268.942,323</i>
- Tam ứng	75.096.542,338		81.296.281,638	
- Phải thu khác	174.135.063,990	12.268.942,323	173.716.788,213	12.268.942,323
Cộng	249.231.606,328	12.268.942,323	255.013.069,851	12.268.942,323
5- Nợ xấu		Cuối kỳ	Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	129.459,743,660	-	308.802,803,123	-
6- Hàng tồn kho		Cuối kỳ	Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi trên đường	5.072.293,690		6.539.207,060	
- Nguyên liệu, vật liệu	11.488.786,749		13.037.350,941	
- Công cụ, dụng cụ	32.436,364		30.900,000	
- Chi phí SX, KD dở dang	183.457.729,188	64.318.133,321	186.287.595,676	86.693.674,491
- Thành phẩm	92.886,080		92.886,080	
- Hàng hóa	2.031.817,685		2.031.817,685	
- Hàng gửi bán	118.519,295		118.519,295	
Cộng	202.294.469,051	64.318.133,321	208.138.276,737	86.693.674,491
7- Tài sản dở dang dài hạn		Cuối kỳ	Đầu năm	Đầu năm
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>			<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
- Mua sắm			614.138,517	614.138,517
- XDCB			107.304,540	107.304,540
<i>Dự án khu đô thị MECO - CITY</i>			<i>107.304,540</i>	<i>107.304,540</i>
Cộng			721.443,057	721.443,057

8- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>133.592.537,974</i>	<i>80.176.825,512</i>	<i>11.724.475,094</i>	<i>367.020,922</i>	<i>225.860.859,502</i>
- Mua trong kỳ		1.833.063,000			1.833.063,000
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>133.592.537,974</i>	<i>82.009.888,512</i>	<i>11.724.475,094</i>	<i>367.020,922</i>	<i>227.693.922,502</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>24.631.144,890</i>	<i>63.751.576,042</i>	<i>11.724.475,094</i>	<i>367.020,922</i>	<i>100.474.216,948</i>
- Khấu hao trong kỳ	2.859,591,450	2,293,977,167	-	-	5,153,568,617
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>27.490.736,340</i>	<i>66.045,553,209</i>	<i>11.724.475,094</i>	<i>367.020,922</i>	<i>105,627,785,565</i>
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	108,961,393,084	16,425,249,470	-	-	125,386,642,554
- Tại ngày cuối kỳ	106,101,801,634	15,964,335,303	-	-	122,066,136,937

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

71.423.759,050

9- Chi phí trả trước

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Cộng

Cuối kỳ

46.535,832

46.535,832

Đầu năm

36.456,922

36.456,922

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

10- Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	7,785,563,576	7,785,563,576	15,980,923,576	19,816,000,000	11,620,640,000	11,620,640,000
b) Vay dài hạn	15,725,305,071	15,725,305,071		13,734,000,000	29,459,305,071	29,459,305,071
<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>15,725,305,071</i>	<i>15,725,305,071</i>		<i>13,734,000,000</i>	<i>29,459,305,071</i>	<i>29,459,305,071</i>
Cộng	23,510,868,647	23,510,868,647	15,980,923,576	33,550,000,000	41,079,945,071	41,079,945,071

11- Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	105,605,676,724	105,605,676,724	103,570,815,392	103,570,815,392
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	93,938,920,889	93,938,920,889	125,296,789,915	125,296,789,915

Công ty CP Bất động sản MECO

Phải trả tiền khối lượng thi công	70,918,999,441	70,918,999,441	68,731,839,185	68,731,839,185
-----------------------------------	----------------	----------------	----------------	----------------

Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO

Phải trả tiền mua vật tư	6,270,513,396	6,270,513,396	9,771,210,331	9,771,210,331
--------------------------	---------------	---------------	---------------	---------------

Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha

Phải trả tiền mua vật tư			18,871,068,443	18,871,068,443
--------------------------	--	--	----------------	----------------

Công ty CP Thủy điện Thác Nãng

Phải trả tiền mua vật tư	3,052,995,916	3,052,995,916	3,052,995,916	3,052,995,916
--------------------------	---------------	---------------	---------------	---------------

Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện

Phải trả tiền mua vật tư	10,770,036,450	10,770,036,450	21,101,157,714	21,101,157,714
--------------------------	----------------	----------------	----------------	----------------

Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn

Phải trả tiền khối lượng thi công	2,926,375,686	2,926,375,686	3,768,518,326	3,768,518,326
-----------------------------------	---------------	---------------	---------------	---------------

Cộng

	199,544,597,613	199,544,597,613	228,867,605,307	228,867,605,307
--	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
- Thuế GTGT	6,597,289,441	2,315,650,714	2,309,827,481	6,603,112,674
- Thuế TNDN	14,537,934,978	-	5,238,168,405	9,299,766,573
- Thuế TNCN	137,236,220	37,825,200	105,702,437	69,358,983
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	140,953,911	840,245,954	840,245,954	140,953,911
- Các loại thuế khác	1,112,125,827	1,400,000	284,728,440	828,797,387
Cộng	22,525,540,377	3,195,121,868	8,778,672,717	16,941,989,528

13- Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	40,735,668,862	56,869,080,662
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>5,450,222,484</i>	<i>5,450,222,484</i>
- Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chi phí lãi vay phải trả	5,450,222,484	5,450,222,484
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>35,285,446,378</i>	<i>51,418,858,178</i>
- Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	259,466,468	210,664,120
- Lãi trái phiếu phải trả	105,726,000	105,726,000
- Chi phí công trình	33,299,853,637	49,482,067,785
- Chi phí hỗ trợ đi đời	1,620,400,273	1,620,400,273
Cộng	40,735,668,862	56,869,080,662

14- Phải trả khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	280,502,147	151,547,360
- Bảo hiểm xã hội	764,056,776	820,844,359
- Bảo hiểm thất nghiệp		11,082,132

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Phải trả về cổ phần hoá	252,180,000	252,180,000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	142,428,797	156,496,909
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	87,848,300	87,848,300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	91,579,411,380	89,701,579,954
Cộng	93,106,427,400	91,181,579,014

b) Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		1,010,625,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	215,000,000,000	215,000,000,000
Cộng	215,000,000,000	216,010,625,000

15- **Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(328,163,838,835)	235,287,770,755
- Lỗi trong năm trước					11,134,293,559	11,134,293,559
Số dư cuối năm trước đầu năm nay	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(317,029,545,276)	246,422,064,314
- Lãi trong kỳ					5,753,735,517	5,753,735,517
Số dư cuối kỳ	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(311,275,809,759)	252,175,799,831

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của các đối tượng khác		Cuối kỳ	Đầu năm
		575,100,000,000	575,100,000,000
Cộng		575,100,000,000	575,100,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Năm nay	Năm trước
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>		575,100,000,000	575,100,000,000
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>		575,100,000,000	575,100,000,000

d) Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		57,510,000	57,510,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		57,510,000	57,510,000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		5,460,000	5,460,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		5,460,000	5,460,000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		52,050,000	52,050,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		52,050,000	52,050,000

e) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển		Cuối kỳ	Đầu năm
		28,817,258,755	28,817,258,755

17- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại		Cuối kỳ	Đầu năm
Đô la Mỹ (USD)		306.05	514.50
Đồng Euro (EUR)		295.38	306.30
b) Nợ khó đòi đã xử lý:		184,051,396,602	4,857,933,003

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Q4/2020	Q4/2019
1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	53,257,000	(67,258,389)
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	17,654,756,362	43,630,639,298
- Doanh thu khác	5,687,999,379	4,879,603,583
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	17,654,756,362	43,630,639,298
đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
Cộng	23,396,012,741	48,442,984,492
2- Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	3,480,164	(22,607,997)
- Giá vốn hoạt động xây dựng	14,382,301,392	41,024,063,333
- Giá vốn khác	4,519,050,749	(233,832,297)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	18.904.832.305	40.767.623.039
Cộng		
3- Doanh thu hoạt động tài chính	Q4/2020	Q4/2019
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	234.574.401	277.912.746
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.003.500	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	25.160.170	
Cộng	269.738.071	277.912.746
4- Chi phí tài chính	Q4/2020	Q4/2019
- Lãi tiền vay	158.642.736	154.963.288
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính		300.000.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	(9.073.426)	52.578.715
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.148.777.088	1.457.528.641
- Chi phí tài chính khác		3.273.813
Cộng	2.298.346.398	1.968.344.457
5- Thu nhập khác	Q4/2020	Q4/2019
- Các khoản khác	1.450.936.261	63.506.619
Cộng	1.450.936.261	63.506.619
6- Chi phí khác	Q4/2020	Q4/2019
- Các khoản bị phạt	27.454.000	
- Các khoản khác		40.812.503
Cộng	27.454.000	40.812.503
7 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Q4/2020	Q4/2019
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
- Chi phí cho nhân viên	1.454.150.034	1.197.869.529
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	100.596.383	46.081.576
- Chi phí đồ dùng văn phòng	98.930.567	16.775.364
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.035.793	1.673.280
- Thuế phí và lệ phí	66.000	
- Chi phí dự phòng	(30.000.000)	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.959.163	194.543.253
- Chi phí bằng tiền khác	42.980.069	70.776.534
Cộng	1.958.718.009	1.527.719.536
8- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Q4/2020	Q4/2019
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.899.773.879	7.440.147.899
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.313.308.332	126.001.568
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.674.856.339	936.805.523
- Chi phí dự phòng	(30.000.000)	
- Chi phí khác	12.980.596.591	28.670.277.863
Cộng	24.838.535.141	37.173.232.853
9- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Q4/2020	Q4/2019
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.927.336.361	4.479.904.322
Trong đó:		
<i>* Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác</i>	<i>1.927.336.361</i>	<i>4.479.904.322</i>
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	(323.284.115,096)	(323.639.183,508)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	172.498.000	
<i>Các khoản phạt thuế</i>	<i>27.454.000</i>	
<i>Thu lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	<i>145.044.000</i>	
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(323.456.613,096)	(323.639.183,508)
<i>Cổ tức được nhận</i>	<i>(10.003.500)</i>	
<i>Lỗ từ các năm trước chuyển sang</i>	<i>(323.446.609,596)</i>	<i>(323.639.183,508)</i>
- Tổng thu nhập chịu thuế	(321.356.778,735)	(319.159.279,186)
Trong đó:		
<i>Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác</i>	<i>(321.356.778,735)</i>	<i>(319.159.279,186)</i>
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%

VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

I. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

	Kỳ này
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	15.980.923,576
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	33.550.000,000

VIII. Những thông tin khác

1- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên)

Tưu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Tiền lương		Q4/2020	Q4/2019
	Cộng	484,485,271	470,057,268
		484,485,271	470,057,268

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty CP Khoáng sản MECO	Công ty con
Công ty CP Bất động sản MECO	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm	Công ty con
Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

Kỳ này

Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha

Phải thu về tiền điện, cho thuê mặt bằng

5,903,900

Thanh toán tiền thi công công trình

10,686,905,923

Công ty CP Bất động sản MECO

Phải thu về tiền điện, cho thuê mặt bằng

5,428,447

Phải trả về khối lượng thi công Năm Hòa 1 và Bản Mòng

9,037,240,418

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Phải trả về khối lượng thi công

(909,090,909)

Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam

Phải thu tiền điện, nước, thuê mặt bằng

2,800,328,422

Thanh toán tiền điện nước

296,561,021

Công ty CP Đầu tư và phát triển điện Mecco

Phải thu về khối lượng thi công

106,955,840

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

Số cuối kỳ

Số đầu năm

Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha

Phải thu về tiền điện, cho thuê mặt bằng

19,633,452

Phải thu về tiền khối lượng thi công

10,545,165,978

31,742,498,059

Phải thu về tiền lương chi hộ

2,878,151

Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện MECO

Phải thu về khối lượng thi công

715,682,068

Phải thu về thanh lý tài sản XDCBDD

210,000,000

Công ty CP Bất động sản MECO

Ứng trước tiền thi công dự án, Bản Mòng

133,164,000

Phải thu khác

141,780,800,000

141,780,800,000

Phải thu về tiền lương chi hộ

19,027,688

Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam

Phải thu về tiền điện nước

65,013,144

836,893,460

Phải thu về tiền thuê mặt bằng

30,811,983,913

19,411,983,913

Công ty CP thủy điện Khánh Khê

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Phải thu khác	1,500,000,000	
<i>Công ty CP Cơ khí Văn Lâm</i>		
Phải thu về tiền thuê nhà xưởng và các khoản khác	14,861,271,184	14,808,848,504
Ứng trước tiền thi công	1,000,000,000	
Phải thu về tiền cho vay	700,663,090	
Phải thu khác (Lương, bảo hiểm chi hộ)	69,676,256	9,620,686
Cộng nợ phải thu	202,393,419,633	208,632,183,913
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha</i>		
Phải trả tiền vật tư, diện thi công CT Nậm Hòa I		18,871,068,443
<i>Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO</i>		
Phải trả tiền vật tư	6,270,513,396	9,771,210,331
Ứng trước tiền thi nghiệm Suối Choang	55,000,000	55,000,000
<i>Công ty CP Bất động sản MECO</i>		
Phải trả tiền thi công dự án 102, Nậm Hòa I, Bản Mông	70,918,999,441	68,731,839,185
<i>Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn</i>		
Thu trước tiền hàng	9,900,149	9,900,149
Phải trả tiền thi công	2,926,375,686	3,768,518,326
Phải trả khác	137,469,755	137,469,755
<i>Công ty CP thủy điện Khánh Khê</i>		
Ứng trước tiền thi công	1,972,261,766	1,972,261,766
Phải trả tiền vật tư	3,052,995,916	3,052,995,916
Phải trả khác	50,526,048	116,422,560
<i>Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện</i>		
Phải trả tiền vật tư	10,770,036,450	21,101,157,714
Cộng nợ phải trả	96,164,078,607	127,587,844,145

2- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
ĐTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17,654,756,362	53,257,000		5,687,999,379	23,396,012,741
Tổng ĐTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17,654,756,362	53,257,000		5,687,999,379	23,396,012,741
Chi phí bộ phận	14,382,301,392	3,480,164		6,477,768,758	20,863,550,314
KQKD theo bộ phận	3,272,454,970	49,776,836		(789,769,379)	2,532,462,427
Lợi nhuận từ hoạt động KD					2,532,462,427

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính	269,738,071
Chi phí tài chính	2,298,346,398
Thu nhập khác	1,450,936,261
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,927,336,361
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CP trả trước dài hạn	5,153,568,617

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	202,236,953,062	296,012,718,121	288,978,170,210	118,050,222,966	905,278,064,359
Tổng tài sản	202,236,953,062	296,012,718,121	288,978,170,210	118,050,222,966	905,278,064,359
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	521,631,551,797	85,558,195,400	17,953,471,871	27,959,045,460	653,102,264,528
Tổng nợ phải trả	521,631,551,797	85,558,195,400	17,953,471,871	27,959,045,460	653,102,264,528
Số đầu năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	225,718,797,746	122,028,907,595	288,978,170,210	295,998,459,030	932,724,334,581
Các tài sản không phân bổ theo BP					25,268,064,852
Tổng tài sản	225,718,797,746	122,028,907,595	288,978,170,210	295,998,459,030	957,992,399,433
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	558,299,373,309	41,693,045,460	16,589,065,417	85,558,195,400	702,139,679,586
Nợ phải trả không phân bổ theo BP					9,430,655,533
Tổng nợ phải trả	558,299,373,309	41,693,045,460	16,589,065,417	85,558,195,400	711,570,335,119

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 4 năm 2020:

Doanh thu quý này giảm so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid dẫn đến việc chậm tổ chức thi công các công trình. Kéo theo đó là công tác nghiệm thu thanh toán chậm khiến cho lợi nhuận sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

Do lượng mưa trong năm thấp khiến mực nước của thủy điện Nậm Hòa 2 thấp dẫn đến doanh thu phát điện của nhà máy giảm mạnh không đủ bù đắp chi phí vận hành. Công ty mẹ phải trích lập dự phòng trên số lỗ của công ty con và lợi nhuận giảm.

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



NGUYỄN NGỌC BÌNH